

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-ST
Ngày: 06-4-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự - vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hoàng Giang

Bà Dư Mỹ L

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Khanh tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 308/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp kiện đòi tài sản và hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Anh Trần Văn C - sinh năm: 1984 (Có mặt).

Chị Võ Thị Hồng Ng - sinh năm: 1981 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã Ng, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn:

Anh Trần Thiện Kh - sinh năm: 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Chị Đặng Thảo L - sinh năm: 1980. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Ng, xã Ng1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Trần Văn C và chị Võ Thị Hồng Ng trình bày:

Vào khoảng năm 2017, anh C - chị Ng có thỏa thuận nhận cầm cố quyền sử dụng đất của anh Kh và chị L 10 công đất với giá 200.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn chuộc đất, chỉ thỏa thuận khi nào anh Kh và chị L có tiền thì chuộc lại đất. Vợ chồng anh canh tác đất được 02 năm thì anh Kh và chị L chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho người khác nên anh chị phải giao trả lại đất xem như chấm dứt hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất. Anh C - chị Ng không tranh chấp gì về hợp đồng cố đất, đồng ý để anh Kh - chị L giao trả lại tiền cố đất. Đến năm 2018, anh Kh - chị L có hỏi vay anh chị nhiều lần thêm tổng số tiền 60.000.000 đồng, có hứa vài tháng trả. Đến tháng 10 năm 2019, hai bên kết toán lại anh Kh - chị L nợ anh chị tổng số tiền là 260.000.000 đồng. Quá trình giải quyết tại địa phương, anh Kh - chị L có hứa trả trước 60.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng, mỗi năm sẽ trả 30.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ đóng lãi theo mức lãi suất của Ng hàng Nhà nước nhưng anh Kh - chị L không thực hiện. Nay anh C - chị Ng yêu cầu vợ chồng anh Kh - chị L phải trả tổng số tiền là 260.000.000 đồng, yêu cầu trả số tiền 60.000.000 đồng trước, phần 200.000.000 đồng thì trả dần, mỗi năm 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai - Bị đơn anh Trần Thiện Kh và chị Đặng Thảo L trình bày: Anh chị xác định lời trình bày của anh C - chị Ng về quá trình cố đất, vay tiền và nợ tiền như trên là đúng. Anh Kh - chị L thừa nhận còn nợ anh C - chị Ng số tiền gốc là 260.000.000 đồng, hợp đồng cố đất thì đã chấm dứt từ lâu, không tranh chấp gì. Đối với số nợ trên, anh Kh - chị L yêu cầu trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, do điều kiện làm ăn thất bại, cuộc sống khó khăn nên anh chị không có khả năng trả nợ như yêu cầu của anh C - chị Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh C - chị Ng khởi kiện yêu cầu anh Kh - chị L trả lại số tiền cố đất và tiền vay còn thiếu nên đây là tranh chấp kiện đòi tài sản và hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Trần Thiện Kh với tư cách là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh Kh đã có bản tự khai trình bày ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Kh.

[2]. Về nội dung:

Anh C - chị Ng yêu cầu Anh Kh - chị L phải trả số tiền cổ đất còn thiếu là 200.000.000 đồng và tiền vay gốc là 60.000.000 đồng.

Căn cứ vào Đơn xác nhận ngày 08/11/2019 và biên bản hòa giải của Ban lãnh đạo ấp Ng, xã Ng1, huyện G, tỉnh Kiên Giang và quá trình giải quyết vụ án anh Kh - chị L thừa nhận còn nợ anh C - chị Ng tổng số tiền là 260.000.000 đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện đã được các bên thừa nhận và không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên có căn cứ xác định anh Kh - chị L còn nợ anh C - chị Ng số tiền là 260.000.000 đồng.

Xét thấy anh Kh - chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, anh C - chị Ng khởi kiện buộc anh Kh - chị L phải trả nợ là có căn cứ để chấp nhận.

Anh Kh - chị L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh Kh - chị L xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng, anh C - chị Ng không đồng ý nên sẽ được xem xét giải quyết khi thi hành án.

Từ những phân tích trên, áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 280, Điều 288, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc anh Kh - chị L phải liên đới trả cho anh C - chị Ng tổng số tiền là 260.000.000 đồng.

Ngoài ra, để bảo đảm quyền lợi của người được thi hành án, kể từ ngày anh C - chị Ng có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Kh - chị L không trả đủ tiền thì anh chị còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

- Yêu cầu khởi kiện của anh C - chị Ng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên **anh chị** không phải chịu án phí. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh C - chị Ng là 6.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005646 ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

- Anh Kh - chị L phải chịu án phí giá ngạch 5% đối với số tiền phải trả, cụ thể là: 260.000.000 đồng **x 5% = 13.000.000 đồng.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 280, Điều 288, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn C và chị Võ Thị Hồng Ng đối với anh Trần Thiện Kh và chị Đặng Thảo L.

Xử: Buộc anh Trần Thiện Kh và chị Đặng Thảo L phải liên đới trả cho anh Trần Văn C và chị Võ Thị Hồng Ng tổng số tiền là 260.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

Ngoài ra, để bảo đảm quyền lợi của người được thi hành án, kể từ ngày anh C - chị Ng có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Kh - chị L không trả đủ tiền thì anh chị còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

- Yêu cầu khởi kiện của anh C - chị Ng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên **anh chị** không phải chịu án phí. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh C - chị Ng là 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005646 ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

- Anh Kh - chị L phải chịu án phí giá ngạch 5% đối với số tiền phải trả, cụ thể là: 260.000.000 đồng **x 5% = 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*)**

Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 06/4/2021; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Riềng;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An